TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST - DS	*Liên Chiểu, ngày 01 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 299, 303, 325 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 179/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** (Ngân hàng V). Địa chỉ: 89 đường L, quận Đ, thành phố H Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh T**. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, theo giấy ủy quyền số 202/UQ-VPB ngày 12/11/2018.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn T** – Sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tổ 48 N, phường H, quận L, TP Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Quang T** – Sinh năm: 1983 và bà **Lê Thị T**– Sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 48 N, phường H, quận L, TP Đ. Ông T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà T, theo văn bản ủy quyền lập ngày 19/4/2019.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Đến ngày 16/9/2019, ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **225.521.204 đồng** *(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi mốt ngàn, hai trăm lẻ bốn đồng)*, trong đó, nợ gốc: 143.750.000 đồng. Nợ lãi tạm tính đến ngày 24/7/2019: 81.771.204 đồng. Ngoài

ra, phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2019 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5818216 ngày 08/01/2016 cho đến ngày ông Phạm Văn T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

- Sau khi ông Phạm Văn T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho ông Phạm Văn T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 827398 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/10/2011 tại địa chỉ: Tổ 34, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; (Ngày 30/12/2015, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Liên Chiểu đã đăng ký sang tên cho ông Phạm Văn T).

- Trong trường hợp, ông Phạm Văn T không trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP V là diện tích thửa đất số 266; Tờ bản đồ số 132. Địa chỉ: Tổ 34, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Có Giấy chứng nhận số BE 827398 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/10/2011; Ngày 30/12/2015, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Liên Chiểu đã đăng ký sang tên cho ông Phạm Văn T) và toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất nói trên (chưa được ghi nhận vào Giấy chứng nhận số BE 827398 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/10/2011) gồm: nhà 1 tầng có 01 nhà chính; 01 nhà bếp và phòng vệ sinh, 01 chái hiên trước; với kết cấu: Tường xây, mái đúc bê tông, nền lót gạch men, diện tích xây dựng: 85,5 $m^{2,}$ diện tích sử dụng: 85,5m^2 được xử lý theo quy định pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Ngoài ra, đến ngày 16/9/2019, ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Quang T và bà Lê Thị T **170.000.000 đồng** (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị toàn bộ vật kiến trúc đã mô tả ở trên do vợ chồng ông T, bà T xây dựng tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 132, tổ 34 phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Kể từ ngày ông Phạm Quang T và bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Chi phí xem xét thẩm định: 2.000.000 đồng ông Phạm Văn T chịu, Ngân hàng TMCP V đã nộp và đã chi, nên ông T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP V.

- Chi phí định giá tài sản: 8.000.000 đồng ông Phạm Văn T chịu, ông Phạm Quang T, bà Lê Thị T đã nộp theo Hóa đơn số 0000204 do Công ty cổ phần thẩm định giá BTCValue – Chi nhánh Đà Nẵng phát hành ngày 15/7/2019 nên ông T phải trả lại cho ông T, bà T.

- Án phí dân sự sơ thẩm: **5.638.030 đồng** ông Phạm Văn T chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.173.000 đồng theo biên lai thu số **0005908** ngày **24/12/2018** của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Vinh